

**I MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**\* Kiến thức**

- Hiểu được ý nghĩa thực tế của phép trừ (qua bài toán thực tế để hình thành phép trừ cần tính).
- Thực hiện được phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số.

**\* Phát triển năng lực**

- Giải bài toán tình huống thực tế có liên quan đến phép trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số (nêu phép tính thích hợp với “tình huống” trong tranh).
- Rèn luyện tư duy, khả năng diễn đạt khi giải các bài toán vui, trò chơi, toán thực tế,...

## II CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 1 (các mô hình, que tính,...).
- Những tư liệu, vật liệu (bảng bia), xúc xắc,... để tổ chức trò chơi trong bài học (SGK).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### Tiết 1

#### 1. Khám phá

- Cho HS quan sát tranh, GV có thể nêu thành bài toán rồi đưa ra phép tính thích hợp. (Ví dụ: Có 76 que tính, bớt đi 32 que tính. Hỏi còn lại bao nhiêu que tính? Từ đó dẫn ra phép tính  $76 - 32$ . Ta sẽ cùng thực hiện phép tính này như thế nào?). Dựa vào cấu tạo số, cho HS biết quy tắc thực hiện phép tính qua hai bước (đặt tính rồi tính) như SGK.

- Thực hiện tương tự với các quả táo để đưa ra phép trừ  $52 - 20$ .

*Lưu ý:* Chốt lại “quy tắc tính” thực hiện phép trừ (gồm hai bước: đặt tính rồi tính. Tính từ phải sang trái, bắt đầu từ hàng đơn vị).

#### 2. Hoạt động

*Bài 1:* HS tính phép trừ (đã đặt tính sẵn). Yêu cầu thực hiện đúng (trừ từ hàng đơn vị đến hàng chục).

*Bài 2:* Yêu cầu HS thực hiện bước đặt tính trước rồi mới tính kết quả (đặt tính căn thẳng cột các hàng đơn vị, hàng chục; thực hiện tính từ phải sang trái).

*Bài 3:* Yêu cầu HS tìm ra kết quả các phép tính ở mỗi quả dưa, rồi so sánh các kết quả tính đó. Từ đó tìm ra quả dưa ghi phép tính có kết quả lớn nhất.

*Bài 4:* GV có thể nêu bài toán, phân tích để (bài toán cho gì, hỏi gì). Từ đó cho HS đưa ra phép trừ thích hợp.

**Đáp án:** *Bài 1:* 23, 27, 20, 24, 30.

*Bài 2:* 53, 20, 17, 55.

*Bài 3:* Quả dưa ghi phép tính  $70 - 20$  có kết quả lớn nhất.

*Bài 4:*  $75 - 25 = 50$ .

### Tiết 2. Luyện tập

*Bài 1:* Cho HS biết cách tính nhẩm trừ hai số tròn chục.

Mẫu: Trừ hai số tròn chục ( $60 - 20$ ). HS nhẩm “6 chục - 2 chục = 4 chục”, rồi viết ngay  $60 - 20 = 40$ . Tương tự, HS tính nhẩm được các phép tính ở câu a, b, c.

Bài 2: Yêu cầu HS đặt tính rồi tính, thực hiện từ phải sang trái từ hàng đơn vị.

Bài 3: Yêu cầu HS tính theo thứ tự từ trái sang phải (theo chiều mũi tên):

a)  $85 - 25 = 60$ ,  $60 - 20 = 40$ .

(Mỗi phép tính có thể “nhầm”)

b) Cùng cố quy tắc tính phép trừ đã học (có thể phát triển nâng cao hơn là phải tìm chữ số thích hợp của mỗi số khi thực hiện phép trừ ở từng hàng đơn vị hoặc ở hàng chục), chẳng hạn:

\*) 
$$\begin{array}{r} \phantom{0} 5 \boxed{?} \\ - 24 \\ \hline 35 \end{array}$$
 HS biết  $9 - 4 = 5 \rightarrow$  Nêu số 9 trong ô ở hàng đơn vị.

\*) 
$$\begin{array}{r} \phantom{0} 85 \\ - \boxed{?} \boxed{?} \\ \hline 21 \end{array}$$
 HS biết  $5 - 4 = 1 \rightarrow$  Nêu số 4 trong ô ở hàng đơn vị.  
biết  $8 - 6 = 2 \rightarrow$  Nêu số 6 trong ô ở hàng chục.

Lưu ý: Có thể tìm  $\boxed{?} \boxed{?} = 85 - 21 = 64, \dots$

Bài 4: GV có thể nêu “tình huống” trong bài toán thực tế, phân tích để (cho gì, hỏi gì). Từ đó cho HS đưa ra phép trừ thích hợp.

**Đáp án:** Bài 1: a) 20, 20, 30; b) 70, 10, 70; c) 10, 40, 30.

Bài 2: 20, 22, 40, 24.

Bài 3: a) 60, 40;

b)  $59 - 24 = 35$ ;  $97 - 51 = 46$ ;

$68 - 23 = 45$ ;  $85 - 64 = 21$ .

Bài 4:  $86 - 50 = 36$ .

### Tiết 3. Luyện tập

Bài 1: Yêu cầu HS đặt tính rồi tính.

Lưu ý: Bài này củng cố quy tắc tính và mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ.

Bài 2: Yêu cầu HS thực hiện tính cả bốn phép tính, từ đó tìm ra bạn nào cầm thẻ ghi phép tính có kết quả lớn nhất.

Bài 3: Yêu cầu HS so sánh được số đo độ dài (chiều cao) của ba bạn Rô-bốt rồi tìm ra bạn nào cao nhất, bạn nào thấp nhất.

**Trò chơi:** Hái nấm

– Cùng cố phép tính trừ số có hai chữ số cho số có hai chữ số và cho số có một chữ số.

- Gây hứng thú học tập qua trò chơi, HS được gieo xúc xắc, được hái nấm.
- Có thể tổ chức chơi theo cặp đôi hoặc nhóm nhỏ (tùy điều kiện chuẩn bị của lớp).

**Đáp án:** Bài 1: a) 67, 47, 20;                      b) 97, 41, 56.

Bài 2: Rô-bốt cầm thẻ ghi phép tính có kết quả lớn nhất ( $67 - 36 = 31$ ).

Bài 3: Bạn 97 cm cao nhất, bạn 87 cm thấp nhất.